

Bản án số: 595/2021/HC-PT

Ngày: 17-11-2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai xử phạt
vi phạm hành chính và cưỡng chế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Đức Nam
2. Ông Đào Hồng Cảnh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà
Nguyễn Thị Bảo Trân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
06/2021/TLPT-HC ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về xử phạt vi phạm hành chính và
cưỡng chế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm
2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3507/2021/QĐ-PT
ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8312/2021/QĐ-PT
ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:*

- Ông Huỳnh Văn H.
- Bà Võ Thị Hồng Đ.

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Võ Thị Hồng Đ

(Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2019 lập tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Ngô Đức T– Luật sư của Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

2. Người bị kiện:

-Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phùng Quốc V– Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 859/UQ-UBND ngày 27/10/2021)

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Huỳnh Công M- Công chức Địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp – Môi trường

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người kháng cáo:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B.

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Quốc V– Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 859/UQ-UBND ngày 27/10/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2019; đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 24/02/2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện bà Võ Thị Hồng Đ – đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ngày 19/9/2019, gia đình ông H bà Đ nhận được Thông báo số 3114/TB-UBND (gọi tắt là Thông báo số 3114/TB-UBND ngày 19/9/2019) về việc đề

ngộ hộ bà Võ Thị Hồng Đ di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã P, huyện B ban hành đối với phần đất có diện tích 68,65m²; thuộc một phần thửa số 15, tờ bản đồ số 02 (tương ứng một phần thửa số 03, tờ bản đồ số 62 (Theo tài liệu Bản đồ địa chính). Nếu ông H, bà Đ không thực hiện thì sẽ lập thủ tục cưỡng chế. Do không đồng ý với Thông báo số 3114/TB-UBND ngày 19/9/2019 nên ông H, bà Đ đã tiến hành khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện B giải quyết theo quy định.

Trong thời gian chờ Tòa án xem xét giải quyết thụ lý thì ngày 06/11/2019, Chủ tịch UBND xã P, huyện B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 535/QĐ-XPVPHC (gọi tắt là Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019) với nội dung:

Xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Võ Thị Hồng Đ do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa số 3, tờ bản đồ số 62 (Theo tài liệu Bản đồ địa chính) thuộc Tổ 6, ấp 2, xã P, huyện B, cụ thể như sau:

- Diện tích đất lấn chiếm: 68,65m²;
- Công trình xây dựng trên đất: Công trình 1 diện tích 28,5m²; kết cấu khung sắt, mái tôn, vách tôn; Công trình 2 diện tích 26,7m²; kết cấu cột cây, vách tôn, mái tôn.

Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, với mức xử phạt là: 2.000.000 đồng.
- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, thực hiện tháo dỡ các công trình được nêu trên. Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

Đến ngày 26/11/2019, Chủ tịch UBND xã P, huyện B ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 539/QĐ-CCXP (gọi tắt là Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019) do hộ gia đình bà Võ Thị Hồng Đ không thực hiện Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019.

Vì vậy, ông H, bà Đ có đơn khởi kiện bổ sung đối với 02 quyết định trên.

Việc UBND và Chủ tịch UBND xã P, huyện B ban hành các quyết định hành chính gồm Thông báo số 3114/TB-UBND; Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 để từng bước thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông H, bà Đ là trái với quy định của pháp luật, với các lý do sau:

Nguồn gốc sử dụng đất là ông H, bà Đ bỏ công sức, tiền của để san lấp ao hoang từ năm 1993, một phần gia đình sử dụng, một phần là để mở đường làm lối đi chung cho những hộ lân cận và sử dụng liên tục, ổn định từ năm 1993 đến nay, không có tranh chấp được các hộ dân lân cận xác nhận theo đơn cam kết lập ngày 27/10/1993. Do là nông dân kém hiểu biết nên ông H, bà Đ không đăng ký kê khai sử dụng đất và cơ quan thuế chưa từng gửi thông báo nộp thuế cho gia đình ông, bà nên ông H, bà Đ không thể thực hiện nghĩa vụ nộp thuế phi nông nghiệp. UBND xã P, huyện B cho rằng đất do Nhà nước quản lý nếu không tháo dỡ công trình xây dựng và giao đất thì sẽ bị tổ chức cưỡng chế tháo dỡ thu hồi đất là không phù hợp với quy định. Vì đất gia đình ông H, bà Đ cải tạo, sử dụng từ năm 1993 thì căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất...”*. Và theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà trước đây cơ quan nhà nước đã có quyết định quản lý đối với đất đai, tài sản đó trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước nhưng thực tế Nhà nước chưa thực hiện quyết định thì người đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng và được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.”*. Từ những quy định trên, ông H, bà Đ có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trong trường hợp bị Nhà nước thu hồi thì phải được bồi thường là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nhà ở trên đất được gia đình xây dựng từ cuối năm 2001 đầu năm 2002 đến nay, tại thời điểm xây dựng không bị xử lý vi phạm xây dựng; không lấn chiếm vỉa hè, lề đường; không nằm trên hệ thống thoát nước công cộng... Vì thế, việc UBND xã P, huyện B cho rằng gia đình ông H, bà Đ có hành vi vi phạm trật tự xây dựng là không khách quan, không đúng sự thật.

Nay ông H, bà Đ không đồng ý với các quyết định hành chính nêu trên nên khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 3114/TB-UB ngày 19/9/2019; Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 do ban hành trái với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Thông báo 3114/TB-UB ngày 19/9/2019; giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019.

Tại Công văn ngày 09/3/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Phùng Quốc V trình bày:

Về vị trí, pháp lý khu đất: Khu đất có diện tích 184,2m² thuộc một phần các thửa số 2, 3; tờ bản đồ số 62 (Theo tài liệu bản đồ địa chính); tương ứng một phần thửa số 15; tờ bản đồ số 2, (Theo tài liệu chính lý 1992), đã được kê khai trong Biểu 2A-phụ lục 2, số thứ tự 84 tại Công văn số 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án tổng thể nhà, đất của UBND huyện B theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính Phủ, có nguồn gốc đất bôn bót của chế độ cũ (Vị trí theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 8054-3/ĐG do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn Tài nguyên Môi trường lập ngày 11/8/2011, được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 05/9/2011).

Căn cứ Công văn số 2313/UBND-TM ngày 16/5/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thay đổi phương án xử lý 02 khu đất tại ấp 6, xã Vĩnh Lộc A và tại ấp 2, xã P, huyện B và căn cứ danh sách đất do các tổ chức, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đang quản lý xã P lập ngày 09/6/2010, số thứ tự 14.

Về quá trình xử lý lấn, chiếm:

Khoảng năm 2015, ông H và bà Đ tự phát hoang và xây dựng các công trình không có giấy phép trên phần đất do UBND xã trực tiếp quản lý như sau: công trình 1: 28,5m² kết cấu khung sắt, mái tôn, vách tôn; công trình 2: 26,7m², kết cấu cột cây, vách tôn, mái tôn.

Căn cứ Công văn số 2313/UBND-TM ngày 16/5/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thay đổi phương án xử lý 02 khu đất tại ấp 6, xã Vĩnh Lộc A và tại ấp 2, xã P, huyện B. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho UBND huyện B được giữ lại khu đất tại ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện B và khu đất tại ấp 2, xã P, huyện B để mở rộng khuôn viên Trường Tiểu học Phong Phú làm sân chơi sinh hoạt cho các em học sinh (thay vì bán đấu giá nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Công văn 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND Thành phố). Tuy nhiên, đến nay hộ ông Huỳnh Văn H và bà Võ Thị Hồng Đ vẫn sử dụng cho mục đích cá nhân, chưa bàn giao lại cho cơ quan Nhà nước theo yêu cầu để phục vụ làm sân chơi cho các em học sinh, phục vụ cho lợi ích công của cộng đồng.

Đồng thời, UBND xã P đã 03 lần tiếp xúc, vận động hộ ông Huỳnh Văn H tự tháo dỡ công trình vi phạm và bàn giao lại phần đất chiếm dụng để UBND xã bàn giao cho Trường Tiểu học Phong Phú mở rộng sân chơi, nhưng đến nay hộ ông Huỳnh Văn H vẫn chưa chấp hành thực hiện.

Vì vậy, ngày 19/9/2019, UBND xã P ban hành Thông báo số 3114/TB-UBND về việc đề nghị hộ bà Võ Thị Hồng Đ di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý (thời gian di dời là 10 ngày). Tuy nhiên, bà Võ Thị Hồng Đ không di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Ngày 16/11/2019, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 26/11/2019, Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định số 539/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Việc bà Đ và ông H lấn, chiếm đất do Nhà nước trực tiếp quản lý trong một thời gian dài và không chấp hành bàn giao lại phần đất này khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện công tác quản lý, sử dụng theo đúng mục đích là vi phạm quy định pháp luật.

UBND xã P ban hành Thông báo số 3114/TB-UB; Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 là cần thiết và đảm bảo đúng quy định pháp luật. Việc ông H và bà Đ yêu cầu hủy các văn bản trên là không có cơ sở. UBND và Chủ tịch UBND xã P đề nghị Tòa án xét xử bác đơn khởi kiện của bà Đ, ông H; đồng thời, giữ nguyên các văn bản nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Ngô Đức T trình bày:

Trong văn bản trả lời của UBND xã P cho rằng: Phần đất 68,65m² thuộc một phần các thửa số 2, 3; tờ bản đồ số 62 (tài liệu bản đồ địa chính); tương ứng một phần thửa số 15; tờ bản đồ số 2, số thứ tự 84 tại Công văn số 3200/UBND-TM ngày 23/5/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh... có nguồn gốc đất bôn bót chế độ cũ, có hiện trạng trước đây là đất trũng thấp thường xuyên bị ngập nước. Đến năm 2010, bà Đ tự ý san lấp mà không được cho phép. Khoảng năm 2015, ông H, bà Đ tự phát hoang và xây dựng công trình không có giấy phép nên UBND xã P ban hành Thông báo số 3114/TB-UBND ngày 19/9/2019; Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật; nhận định nêu trên là không có cơ sở, bởi các lý do sau đây:

-Phần đất tranh chấp không thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã P nên UBND xã P không có thẩm quyền ban hành các văn bản có liên quan quyền sử dụng đất, do UBND xã P không có văn bản giao đất.

-Tại kết quả thẩm định tại chỗ và đo đạc có sự chứng kiến của Tòa án và của các bên đương sự theo Văn bản số 380/TAHBC ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, kết luận: Thực tế đo đạc phần đất tranh chấp có diện tích 49,9m² thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 62 (tài liệu bản đồ địa chính) do bà Trần Thị Giòn mẹ của ông Huỳnh Văn H là người đăng ký kê khai, ông H và bà Đ xây dựng nhà từ năm 2002 có xác nhận của UBND xã P tại Văn bản số 2904/UBND ngày 31/10/2018.

-Nguồn gốc sử dụng đất có từ việc ông H, bà Đ san lấp ao hoang năm 1993, có xác nhận của những hộ xung quanh theo đơn cam kết ngày 27/10/1993. Năm 2002, ông H, bà Đ xây dựng nhà và quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay không có tranh chấp. Căn cứ khoản 2 Điều 20 và Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì có cơ sở hộ gia đình ông H, bà Đ đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất và được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

-Ngoài ra, việc Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 cũng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Từ những viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện; tuyên hủy 02 quyết định nêu trên do ban hành trái quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Hoàng Ngọc D trình bày:

Ông D thống nhất với lời khai của ông Phùng Quốc V là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã giao nộp cho Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ UBND xã P, huyện B cung cấp cho Tòa án thì việc hộ gia đình ông H, bà Đ đã có hành vi vi phạm xây dựng các công trình không có giấy phép trên phần đất do UBND xã trực tiếp quản lý nên UBND xã P ban hành Thông báo số 3114/TB-UBND; Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 là đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Người khởi kiện cho rằng phần đất tranh chấp thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 62 (tài liệu bản đồ địa chính) do bà Trần Thị G mẹ của ông H là người đăng ký kê khai; là không chính xác. Theo Công văn số 1203/UBND ngày 24/8/2020 về việc phúc đáp kết quả trả lời xác minh cho Tòa án: “...Phần đất diện tích 98m² thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 2, theo tài liệu chỉnh lý 1992 (không thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 62, theo tài liệu bản đồ địa chính), được ghi nhận chủ sử dụng là bà Trần Thị Giòn tại sổ mục kê trang số 40, loại đất: T...”

Do đó, Chủ tịch UBND và UBND xã P đề nghị Tòa án xét xử bác đơn khởi kiện của bà Đ, ông H; đồng thời, giữ nguyên các văn bản nêu trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Huỳnh Văn H, bà Võ Thị Hồng Đ đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

1.1 Tuyên hủy toàn bộ các quyết định hành chính trái pháp luật, gồm: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019.

1.2 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên hủy Thông báo số 3114/TB-UBND ngày 19/9/2019 về việc đề nghị hộ bà Võ Thị Hồng Đ di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B.”

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/5/2021, người bị kiện: Chủ tịch UBND xã P, huyện B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung yêu cầu hủy án sơ thẩm, giữ nguyên Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày:

-Đề nghị hủy án sơ thẩm, xử bác đơn khởi kiện của ông H, bà Đ , giữ nguyên Quyết định 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 vì Tòa án nhân dân huyện B đã ban hành 02 bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HCST ngày 15 tháng 4 năm 2021 có nội dung quyết định không giống nhau,

-Khẳng định Người bị kiện nhận được bản chính bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung phản Quyết định như sau:

“Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Huỳnh Văn H, bà Võ Thị Hồng Đ đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

Tuyên hủy toàn bộ các quyết định hành chính trái pháp luật, gồm: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019.

2.Về án phí...”

-Hiện tại, bản chính bản án đang bị thanh tra niêm phong cùng hồ sơ có liên quan đến xử lý đất đai tại địa phương nên không thể cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên Chủ tịch và UBND xã P cam đoan hiện xã đang lưu giữ bản chính nêu trên. Sau khi nhận bản án, Chủ tịch xã đã cho thực hiện việc kháng cáo, lưu giữ bản án theo đúng quy định về văn thư lưu trữ.

-Cam đoan chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật nếu UBND xã P không nhận và không lưu trữ bản chính bản án.

-Thời điểm ông H, bà Đ thực hiện hành vi lấn, chiếm đất vào năm 2015 nhưng thời điểm phát hiện vi phạm là năm 2019 nên UBND xã P lập Biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định xử phạt là đúng quy định.

Người khởi kiện bà Võ Thị Hồng Đ và luật sư T đề nghị:

-Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử y án sơ thẩm. Phía Người khởi kiện chỉ nhận 1 bản án, không nhận bản án nào như phía UBND xã P đã nhận.

-Thửa đất ông H, bà Đ đang sử dụng không thuộc đất công ích do xã quản lý; nếu ông H, bà Đ vi phạm pháp luật thì UBND huyện B là cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

-Ông H, bà Đ cất nhà năm 2002 trên đất bà G đã đăng ký, kê khai.

-Chủ tịch UBND xã P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là sai vì đã hết thời hiệu xử phạt. Hơn nữa, căn cứ vào luật Đất đai thì việc sử dụng đất của ông H, bà Đ là hợp pháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc ban hành, tổng đạt thông báo thụ lý phúc thẩm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về tổng đạt bản án và phát hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người bị kiện nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố

tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[1.3]. Về sự có mặt của đương sự.

Người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của đương sự.

Người khởi kiện yêu cầu:

-Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 cùng của Chủ tịch UBND xã P.

-Rút đơn khởi kiện đối với Thông báo số 3114/TB-UBND ngày 19/9/2019 của UBND xã P.

Người kháng cáo yêu cầu: Yêu cầu hủy án sơ thẩm, giữ nguyên Quyết định số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019 cùng của Chủ tịch UBND xã P.

[3]. Xét kháng cáo của đương sự.

Xét về mặt thủ tục tố tụng:

[3.1]. Xét Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Bản án gốc và bản chính Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B lưu tại hồ sơ vụ án (bút lục 209-223) thể hiện nội dung phần quyết định:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Huỳnh Văn H, bà Võ Thị Hồng Đ đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

1.1. Tuyên hủy toàn bộ các quyết định hành chính trái pháp luật, gồm: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019.

1.2.Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên hủy Thông báo số 3114/TB-UBND ngày 19/9/2019 về việc đề nghị hộ bà Võ Thị Hồng Đ di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B.

2.Về án phí: ... ”

-Tuy nhiên, tại bản sao Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện B (Bút lục 239-243) do Người kháng cáo cung cấp có nội dung quyết định:

“1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Huỳnh Văn H, bà Võ Thị Hồng Đ đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

Tuyên hủy toàn bộ các quyết định hành chính trái pháp luật, gồm: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 535/QĐ-XPVPHC ngày 06/11/2019 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 539/QĐ-CCXP ngày 26/11/2019.

2.Về án phí: ... ”

Bản án này được UBND xã P thực hiện theo quy trình tiếp nhận văn bản đến được quy định tại Điều 21, 22, 23 và 24 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 “Về công tác văn thư” của Thủ tướng Chính phủ (cũng đã scan màu trên hệ thống quản lý của xã). Đây cũng chính là Bản án Người kháng cáo nộp kèm đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân huyện B lưu tại hồ sơ vụ án.

[3.2].Như vậy, Bản án hành chính số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện B tổng đạt cho Người bị kiện (vào ngày 06/5/2021) có sai sót là thiếu nội dung: *“Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên hủy Thông báo số 3114/TB-UBND ngày 19/9/2019 về việc đề nghị hộ bà Võ Thị Hồng Đ di dời tài sản và bàn giao mặt bằng đối với phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B.*”

Sai sót này đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện B để giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thẩm quyền.

Yêu cầu kháng cáo của Người kháng cáo được chấp nhận.

[3.3].Bản án sơ thẩm bị hủy do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về nội dung.

[4].Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thẩm quyền.

3.Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B theo Biên lai thu số AA/2019/0081530 ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND huyện B, TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên